

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRIỆU SƠN  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/ HNGĐ-ST

Ngày: 28-01-2021

V/v “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thủy

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Bá Long và bà Nguyễn Thị Trúc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 28/01/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 367 /2020/HNGĐ - ST ngày 03 tháng 12 năm 2020 về “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1990 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

HKTT: Thôn 1, xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Anh Mai Văn L sinh năm 1983 ( Có đơn xin xét xử vắng mặt)

HKTT: Thôn 7, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Hiện đang cai nghiện tại trung tâm cai nghiện số 1 tỉnh Thanh Hóa;

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện về việc tranh chấp hôn nhân gia đình ngày 17 tháng 11 năm 2020 và bản tự khai, cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày giữa chị và anh Mai Văn L đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 6 năm 2014 tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống với nhau vợ chồng hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh L hay uống rượu, đặc biệt anh L có nghiện ma túy, chơi bời, không tu chí làm ăn nên hiện nay đang phải đi cai nghiện bắt buộc tại trung tâm cai nghiện số 1 Thanh Hóa. Chị không còn tình cảm gì với anh L, chị đã đưa hai con về nhà mẹ đẻ tại xã K để ở và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị D trình bày vợ chồng anh chị có 02 ( hai) con chung với nhau, tên các cháu là Mai Đức L1, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2014 và cháu Mai Thị Bích L2, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2017. Hiện nay các cháu đều đang ở cùng chị D, ly hôn nguyện vọng của chị xin được nuôi cả 02 cháu, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Chị D xác định hiện nay anh L đang phải cai nghiện bắt buộc nên không có điều kiện để nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Mặt khác chị trình bày, hiện tại chị đang làm công nhân, mức thu nhập bình quân 7.000.000đ/ tháng, nên đủ khả năng để nuôi con.

Về tài sản và phần nợ: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Mai Văn L trình bày anh và chị Nguyễn Thị D đăng ký kết hôn như chị D trình bày là hoàn toàn đúng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 9/2019 anh đi cai nghiện tại trung tâm cai nghiện số 1 tỉnh Thanh Hóa thì chị D mới có ý định làm đơn xin ly hôn. Hiện nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng đang còn, anh không đồng ý ly hôn với chị D, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh, chị được đoàn tụ.

Về con chung: Anh L trình bày vợ, chồng anh chị có 02 con chung tên các cháu là Mai Đức L1, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2014 và cháu Mai Thị Bích L2, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2017. Hiện nay các cháu đều đang ở cùng chị D. Nếu phải ly hôn, anh L đồng ý giao cả 02 cháu cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, vì hiện nay anh đang phải cai nghiện bắt buộc, nên không có khả năng nuôi con và cấp dưỡng nuôi con cùng chị D.

Về tài sản và phần nợ: Anh L không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân gia đình, xử cho chị D được ly hôn với anh L. Về con chung đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân gia đình, giao 02 cháu Mai Đức L1 và cháu Mai Thị Bích L2 cho chị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị; Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1].*Về tố tụng:* chị Nguyễn Thị D và anh Mai Văn L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2].*Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị D và anh Mai Văn L đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 6 năm 2014 tại UBND xã M, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng anh chị đoàn tụ hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh L không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu và nghiện ma túy, loại ma túy tổng hợp, dẫn đến ngày 01 tháng 11 năm 2019 bị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn ra quyết định số 20/2019 về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng tại cơ sở cai nghiện ma túy số 1, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh, chị được ly hôn. Anh L xét thấy tình cảm vợ chồng đang còn, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung.

Xét mâu thuẫn vợ chồng thì thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Mai Văn L ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh L cho rằng anh đang còn thương yêu chị D nên không muốn ly hôn, nhưng nguyên nhân dẫn đến việc chị D yêu cầu Tòa án ly hôn là do anh thường xuyên uống rượu, nghiện ma túy, không chịu tu chí làm ăn và xây dựng cuộc sống gia đình, không chăm lo, yêu thương vợ con, hiện tại anh lại đang cai nghiện bắt buộc nên bản thân anh cũng không có điều kiện để vun đắp tình cảm và có những biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng được, chị D vẫn tha thiết xin được ly hôn.

Vì vậy xét yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp. Căn cứ vào điều 51, 56 luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D.

[3]. *Về con chung*: Hiện nay các cháu Mai Đức L1 và cháu Mai Thị Bích L2 đều đang ở cùng chị D. Ly hôn nguyện vọng của chị D và anh L tiếp tục giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay hiện nay, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Vì vậy Hội đồng xét xử giao cháu L1 và cháu L2 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị D.

[4]. *Về tài sản*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị D phải chịu án phí theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

*Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D, xử cho chị D được ly hôn anh Mai Văn L.

*Về con chung*: Giao 02 cháu Mai Đức L1 và cháu Mai Thị Bích L2 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Anh Mai Văn L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị D và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở. Nếu trong quá trình nuôi con chị D không chăm sóc chu đáo ảnh hưởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của các cháu, thì khi anh L có đủ điều kiện về việc nuôi con, anh L có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

*Về tài sản:* Chị Nguyễn Thị D và anh Mai Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

*Về án phí:* Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện Triệu Sơn theo biên lai số AA/2018/0004270 ngày 25 tháng 11 năm 2020 nay trừ vào án phí ly hôn, chị D đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tuyên bố cho chị Nguyễn Thị D và anh Mai Văn L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- UBND xã Minh Sơn
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thủy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bá Long    Nguyễn Thị Trúc**

**Lê Thị Thủy**

***Nơi nhận:***

- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- UBND xã Minh Sơn
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thủy**



















